

UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNV-CCVC

Bến Tre, ngày tháng 01 năm 2021

V/v triển khai thực hiện Nghị
định số 143/2020/NĐ-CP ngày
10/12/2020 của Chính phủ

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

Sở Nội vụ đề nghị các Sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương) triển khai thực hiện Nghị định nêu trên đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi quản lý. Trong đó, quan tâm những nội dung như sau:

1. Một số điểm mới cần lưu ý:

Nghị định số 143/2020/NĐ-CP (quy định mới)	Nghị định số 108/2015/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP (quy định cũ)
1. Các trường hợp thực hiện tinh giản biên chế	
Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan,	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền

đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.	kê tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
2. Về tuổi để hưởng chính sách hưu trước tuổi	
<p>- Trường hợp có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên (<i>trường hợp có hưởng chế độ trợ cấp</i>): <i>Nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.</i></p> <p>- Trường hợp làm việc trong điều kiện lao động bình thường (<i>trường hợp có hưởng chế độ trợ cấp</i>): <i>Nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.</i></p> <p>Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A, sinh ngày 02/10/1964, theo quy định của Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, ông A có thời điểm hưởng chế độ hưu trí đúng tuổi là tháng 5/2026. Khi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ hưu trước tuổi, để hưởng chế độ trợ cấp hưu trước tuổi ông A, phải nghỉ trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/5/2024.</p>	<p>- Trường hợp có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ mười lăm năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên (<i>trường hợp có hưởng chế độ trợ cấp</i>): Nếu đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 48 tuổi đối với nữ.</p> <p>- Trường hợp làm việc trong điều kiện lao động bình thường (<i>trường hợp có hưởng chế độ trợ cấp</i>): Nếu đủ 55 tuổi đến đủ 58 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên.</p>

<p>- Đối với trường hợp không hưởng trợ cấp: Nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.</p>	<p>- Đối với trường hợp không hưởng trợ cấp: Đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nam, trên 48 tuổi đến dưới 50 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ mười lăm năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.</p>
---	---

3. Về chính sách thôi việc ngay

<p>Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này có tuổi tối đa thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau:</p> <p>a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;</p> <p>b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội</p>	<p>Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này có tuổi đời dưới 53 tuổi đối với nam, dưới 48 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này hoặc có tuổi đời dưới 58 tuổi đối với nam, dưới 53 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này, nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau:</p> <p>a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;</p> <p>b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.</p>
---	--

4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2015. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2015. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Về việc thực hiện tinh giản biên chế đợt 1/2021:

Do có sự thay đổi về độ tuổi để tính chế độ, chính sách theo quy định mới. Vì vậy, Sở Nội vụ đề nghị tất cả các cơ quan, đơn vị đã gửi văn bản đề nghị thẩm định danh sách đối tượng thực hiện tinh giản biên chế đợt 1/2021, thực hiện tính toán lại chế độ, chính sách cho phù hợp với quy định mới. Thời gian gửi đề nghị lại về Sở Nội vụ chậm nhất **ngày 08/01/2021**. Sau thời gian này nếu cơ quan, đơn vị nào không gửi đề nghị lại xem như không có đối tượng thực hiện tinh giản biên chế đợt 1/2021.

Trên đây là nội dung triển khai thực hiện Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm quán triệt, thực hiện đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì phản ánh về Phòng Công chức, Viên chức thuộc Sở Nội vụ (số điện thoại 0275 3822475) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD SNV;
- Phòng Nội vụ các huyện, tp;
- Lưu: VT,CCVC.T.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Giàu